

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST.

Ngày 27 - 9 -2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Việt.

Bà Lê Thị Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Thị Cành Nha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2021/TLST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Lê Thị Thu H; Sinh năm: 1964. Địa chỉ: ấp C, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

* *Bị đơn:* Lê Thanh Th; Sinh năm: 1966. Địa chỉ: ấp C, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Huỳnh Văn V; Sinh năm: 1968. Địa chỉ: ấp C, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 3 năm 2021, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Thu H trình bày:

Vào ngày 17/4/2012 DL bà Lê Thanh Th có hợp đồng vay (mượn) của bà H số tiền gốc là 48.538.000 đồng; Vào ngày 28/8/2013 DL bà Th hợp đồng vay (mượn) của bà H số tiền là 8.700.000 đồng; Vào ngày 25/12/2014 DL bà

Th hợp đồng vay (mượn) thêm của bà H số tiền là 700.000 đồng. Tổng cộng 03 (ba) lần bà Th đã vay (mượn) của bà H tổng số tiền là 57.938.000 đồng. Sau đó, bà Th có trả cho bà H được số tiền là 13.700.000 đồng. Còn lại số tiền là 44.238.000 đồng, thì bà Th không trả cho bà H. Ngày 21/3/2017 bà H có đến nhà yêu cầu bà Th trả tiền và gặp chồng bà Th là ông Huỳnh Văn V thì ông V hẹn là sẽ gửi tiền cho bà H, mãi đến ngày 12/01/2018 thì bà Th, ông V có trả thêm cho bà H số tiền là 500.000 đồng. Vào ngày 13/9/2019 bà H tiếp tục đến nhà bà Th để yêu cầu trả tiền thì ông V và bà Th có trả thêm cho bà H được số tiền là 1.000.000 đồng, còn lại số tiền là 42.738.000 đồng thì bà Th và ông V không trả cho bà H.

Theo đơn khởi kiện thì bà H yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thanh Th và ông Huỳnh Văn V phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà H số tiền vay gốc là 42.738.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 25/12/2014 đến ngày 25/02/2021 là 68.284.000 đồng, tổng cộng là 111.022.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất tiếp từ ngày 26/02/2021 cho đến ngày ông V, bà Th trả tất nợ cho bà H theo mức lãi suất là 1,66%/tháng trên số nợ gốc là 42.738.000 đồng. Tại phiên tòa bà H xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thanh Th và ông Huỳnh Văn V phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà H số tiền vay gốc là 42.738.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả đủ 01 lần.

* Tại Tờ tường trình ngày 10 tháng 9 năm 2021 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Lê Thanh Th trình bày: Vào ngày 17/4/2012 DL bà Lê Thanh Th có hợp đồng vay (mượn) của bà H số tiền gốc là 48.538.000 đồng; Vào ngày 28/8/2013 DL bà Th hợp đồng vay (mượn) của bà H số tiền là 8.700.000 đồng; Vào ngày 25/12/2014 DL bà Th hợp đồng vay (mượn) thêm của bà H số tiền là 700.000 đồng. Tổng cộng 03 (ba) lần bà Th đã vay (mượn) của bà H tổng số tiền là 57.938.000 đồng. Sau đó, bà Th và chồng là ông Huỳnh Văn V có trả tiền cho bà H nhiều lần với tổng số tiền là 15.200.000 đồng. Còn nợ lại số tiền là 42.738.000 đồng, do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, nên bà Th và ông V không có trả tiền thêm cho cho bà H. Bà Th thừa nhận hiện nay bà và ông V còn nợ bà H số tiền gốc là 42.738.000 đồng và thống nhất hoàn trả cho bà H số tiền gốc là 42.738.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, nên bà Th đề nghị bà H cho bà và ông V xin trả dần số tiền trên, mỗi tháng trả 1.500.000 đồng cho đến khi trả dứt số tiền 42.738.000 đồng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Huỳnh Văn V đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ và được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, ông V không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông V.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc

tuan theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự. Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa nguyên đơn bà H và bị đơn là bà Th đều xác định giữa bà H và bà Th, ông V có hợp đồng vay tiền với nhau, nhưng do hai bên không thỏa thuận được việc thanh toán nợ. Đối với ông V sau khi nhận văn bản thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu của bà H thì ông V không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà H. Do đó, xem như ông V đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 422, Điều 423, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình xử buộc bà Lê Thanh Th và ông Huỳnh Văn V phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà H số tiền vay gốc là 42.738.000 đồng, không tính lãi. Về án phí buộc các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Huỳnh Văn V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

[1.2] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Thu H thì giữa bà H và bà Th, ông V có hợp đồng vay tiền với nhau nhiều lần. Hiện nay bà Th và ông V còn nợ bà H tổng số tiền gốc là 42.738.000 đồng. Do bà Th và ông V vi phạm hợp đồng, nên bà H yêu cầu bà Th và ông V phải hoàn trả tổng số tiền gốc là 42.738.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.3] Tại phiên tòa nguyên đơn bà H xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bà Lê Thanh Th và ông Huỳnh Văn V phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà H số tiền vay gốc là 42.738.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Lê Thanh Th và ông Huỳnh Văn V phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền vay gốc là 42.738.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa bị đơn là bà Lê Thanh Th thống nhất trả tiền cho bà H, nhưng do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, nên bà Th đề nghị xin trả dần mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi trả dứt số tiền trên, nhưng bà H không đồng ý. Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất số tiền còn nợ, nhưng không thỏa thuận được thời gian và cách thanh toán nợ. Đối với ông V sau khi nhận văn bản thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu của bà H thì ông V không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà H. Do đó, Hội đồng xét xử xem như ông V đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện bà H không cần phải chứng minh. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Vì vậy, cần xử buộc bà Lê Thanh Th và ông Huỳnh Văn V phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị Thu H số tiền vay gốc là 42.738.000 đồng, không tính lãi.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà Lê Thanh Th và ông Huỳnh Văn V phải liên đới nộp số tiền là 2.136.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị Thu H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Lê Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.775.550 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007833 ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở để Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 422, Điều 423, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều

27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 09 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H.

Buộc bà Lê Thanh Th và ông Huỳnh Văn V phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị Thu H số tiền vay gốc là 42.738.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 42.738.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn đồng*) thì hàng tháng bà Th, ông V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thanh Th và ông Huỳnh Văn V phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.136.900 đồng (*Hai triệu một trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm đồng*). Bà Lê Thị Thu H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Lê Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.775.550 đồng (*Hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007833 ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Lê Thị Thu H và bà Lê Thanh Th có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn V không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên